

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NÔNG CỐNG
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 32/2024/HNGĐ - ST
Ngày 15 - 8 - 2024
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÔNG CỐNG, TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Lê Sỹ Nghiêm
- Ông Thiệu Khắc Yên

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Danh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa.

- Đ diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Oanh - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 99/2024/TLST - HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/7/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2024/QĐST - HNGĐ ngày 23/7/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1997 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn V, xã L, huyện C, tỉnh Thanh Hóa

- Bị đơn: Anh Vũ Trọng Đ, sinh năm 1990 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn N, xã L, huyện C, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 20/5/2024, bản tự khai ngày 30/5/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Vũ Trọng Đ xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 14/12/2018 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh Thanh Hóa. Quá trình chung sống đến tháng 12/2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp nhau. Anh Đ thường xuyên đi uống rượu về khuya, không quan tâm đến vợ con. Thời gian đầu anh còn hỗ trợ với chị về kinh tế để nuôi con. Nhưng từ cuối năm 2020 trở đi anh Đ không hỗ trợ chị về kinh tế cũng như chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con cái. Tất cả việc chăm sóc con

đều do một mình chị, anh Đ không quan tâm đến cuộc sống của 2 mẹ con. Mâu thuẫn phát sinh hàng ngày nên thường xuyên xảy ra cãi nhau. Mặc dù vợ chồng đã được hai bên gia đình can thiệp nhưng vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 7/2023 đến nay. Chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị mong muốn có một cuộc sống bình yên để yên tâm đi làm nuôi con nên chị xin được ly hôn với anh Vũ Trọng Đ.

- Về con chung: Chị và anh Đ có 1 con chung là Vũ Phương T, sinh ngày 30/9/2019. Do con đang còn nhỏ và từ lúc sinh ra con chưa từng xa mẹ. Chị có đủ thời gian và thu nhập ổn định để chăm sóc và giáo dục con. Sau khi ly hôn chị xin được nuôi con và không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản và nợ chung: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Đối với anh Vũ Trọng Đ:* Tòa án nhân dân huyện Nông Cống đã thực hiện tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án và Giấy triệu tập cho anh Vũ Trọng Đ. Nhưng trong thời hạn quy định anh Đ không nộp văn bản nêu ý kiến của mình và cũng không đến Tòa án làm việc theo Giấy triệu tập.

* *Tại Biên bản xác minh ngày 09 tháng 7 năm 2024, ông Vũ Văn D - bố đẻ của anh Vũ Trọng Đ trình bày:* Về quan hệ hôn nhân: Anh Đ và chị N kết hôn hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện C, tỉnh Thanh Hóa vào năm 2018. Sau khi kết hôn anh Đ và chị N sinh sống và làm việc tại Hà Nội. Địa chỉ cụ thể gia đình ông không nắm rõ. Quá trình chung sống, chị N và anh Đ phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống và mâu thuẫn về kinh tế gia đình. Hai bên gia đình đã nhiều lần khuyên bảo, hòa giải nhưng mâu thuẫn giữa anh Đ và chị N vẫn không khắc phục được. Hiện nay anh Đ và chị N đã sống ly thân.

Gia đình ông đã nhận được các văn bản của Tòa án. Sau khi nhận được các văn bản gia đình ông đều đã thông báo qua điện thoại cho anh Đ biết. Anh Đ có thông tin lại với gia đình ông là sẽ sắp xếp thời gian để về Tòa án làm việc. Trong trường hợp anh Đ không về được thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Anh Đ và chị N có 1 con chung là Vũ Phương T, sinh ngày 30/9/2019. Hiện nay con đang ở với chị N. Nếu ly hôn anh Đ có nguyện vọng nuôi con và không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về các văn bản tố tụng của Tòa án: Gia đình ông cam đoan sau khi nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án sẽ thông báo ngay lại cho anh Đ biết và giao ngay lại khi anh Đ về nhà.

* *Tại phiên tòa:* Chị Nguyễn Thị N có Đơn xin xét xử vắng mặt. Tại Đơn xin xét xử vắng mặt chị N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đ. Về con chung: Chị N xin được nuôi con và không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản và nợ

chung: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Quan điểm của Đ diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống tại phiên tòa sơ thẩm:*

- Về tố tụng:

+ Về việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật trong việc xác định thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định tư cách tố tụng của các đương sự; việc thực hiện các thủ tục tố tụng như xác minh thu thập chứng cứ, ban hành và giao các văn bản tố tụng đều đúng và đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (viết tắt là BLTTDS).

+ Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa: Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân theo đầy đủ các quy định của BLTTDS.

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của đương sự: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật và có đơn xin xét xử vắng mặt. Đối với bị đơn chấp hành không đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật trong quá trình xây dựng hồ sơ và không có mặt tại phiên tòa. Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 238 BLTTDS.

- Về nội dung:

+ Chị N và anh Đ kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện C, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 14/12/2018, vì vậy đây là hôn nhân hợp pháp.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; cho chị N được ly hôn anh Đ.

+ Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Vũ Phương T, sinh ngày 30/9/2019 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Chị N không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

+ Về tài sản chung: Chị N và anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Về án phí: Căn cứ Điều 147 BLTTDS; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Anh Vũ Trọng Đ có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn N, xã L, huyện C, tỉnh Thanh Hóa nên chị Nguyễn Thị N yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Nông Công giải quyết việc ly hôn là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 36 và Điều 39 BLTTDS.

Chị Nguyễn Thị N có đơn xin xét xử vắng mặt. Anh Vũ Trọng Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng anh Đ vẫn vắng mặt không có lý do, vì vậy cần áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 238 BLTTDS để xét xử vắng mặt chị N và anh Đ là đúng với quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

[2. 1]. Hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị N và anh Vũ Trọng Đ dựa trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Đánh giá về thực trạng quan hệ vợ chồng: Nguyên nhân mâu thuẫn là do trong cuộc sống vợ chồng có nhiều bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung. Tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc, vợ chồng sống ly thân từ tháng 7 năm 2023 đến nay, không quan tâm đến nhau. Chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn nên vẫn giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn với anh Đ. Về phía anh Đ, Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên hòa giải và tham gia phiên tòa nhưng anh Đ vẫn vắng mặt, không có biện pháp để vợ chồng hòa giải đoàn tụ. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung đã chấm dứt. Mục đích hôn nhân là xây dựng gia đình hòa thuận, hạnh phúc không đạt được nên áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử chấp nhận yêu cầu của chị N được ly hôn anh Đ.

[2.2]. Về con chung: Chị N và anh Đ có 01 con chung là Vũ Phương T, sinh ngày 30/9/2019 đang ở với chị N. Khi ly hôn chị N xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Hội đồng xét xử xét thấy, hiện nay chị N là nhân viên tư vấn Luật đầu thầu tại Công ty Cổ phần Medical Device Lab Technologly, địa chỉ quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, có mức lương trung bình mỗi tháng từ 12.000.000đ đến 13.000.000đ. Cháu Vũ Phương T là con gái, còn nhỏ, cần sự chăm sóc tỉ mỉ của người mẹ. Vì vậy, để tránh xáo trộn cuộc sống của con, đảm bảo điều kiện tốt nhất cho con trẻ phát triển về mọi mặt cần giao con cho chị N tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp. Về cấp dưỡng, chị N không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2. 3]. Về tài sản và nợ chung: Chị N và anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 238, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 BLTTDS; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326:

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện, chị Nguyễn Thị N được ly hôn anh Vũ Trọng Đ.

2. Về con chung: Giao cháu Vũ Phương T, sinh ngày 30/9/2019 cho chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị N không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

Anh Vũ Trọng Đ có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị N đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nông Cống theo biên lai thu số 0003027 ngày 27/5/2024. Chấp nhận chị N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Chị N và anh Đ được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND huyện Nông Cống;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THADS H. Nông Cống;
- UBND xã L;
- Lưu hs, vp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trịnh Thị Hà

